

Số: 1173/QĐ-ĐHCNVT

Phủ Thọ, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Chương trình đào tạo
ngành Marketing (7340115) trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chuẩn cơ sở giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 01/4/2025 của Hội đồng trường Ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-ĐHCNVT ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì; Quyết định số 469/QĐ-ĐHCNVT ngày 09/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì ban hành kèm theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHCNVT ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Marketing, họp ngày 13/12/2025;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, họp ngày 25/12/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trường khoa Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing - Mã ngành 7340115.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Quản lý Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Kế toán; Trưởng khoa Kinh tế; Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐQT;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (2).



TS. Vũ Đức Bình



CHƯƠNG TRÌNH KHUNG NGÀNH MARKETING
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH: 7340115

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1173 /QĐ-ĐHCNV, ngày 26 tháng 12 năm 2025)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Mã HP học trước
				LT	TL	TH	Tự học	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		25					
1.1	Bắt buộc		23					
1	25CT70013	Triết học Mác – Lênin	3	36	18	0	96	
2	25CT70022	KT chính trị Mác – Lênin	2	24	12	0	64	25CT70013
3	25CT70032	CN xã hội khoa học	2	24	12	0	64	25CT70022
4	25CT70042	LSĐ cộng sản Việt Nam	2	24	12	0	64	25CT70032
5	25CT70052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12	0	64	25CT70042
6	25CB70092	Toán cho các nhà kinh tế	2	24	12	0	64	
7	25TT71532	Tin học đại cương	2	12	6	30	52	
8	25KT70402	Kỹ năng mềm 1	2	24	12	0	64	
9	25KT70022	Pháp luật đại cương	2	24	12	0	64	
10	25NN70012	Tiếng Anh cơ bản	2	24	12	0	64	
11	25TT70482	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	2	24	12	0	64	25TT71532
1.2	Tự chọn (chọn tối thiểu 2 TC)		2					
12	25KT70632	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	24	12	0	64	
13	25CT70062	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24	12	0	64	
1.3	Giáo dục thể chất		3					
14	25CB70621	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	20	
15	25CB70631	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	20	
16	25CB70641	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	20	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		35					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Mã HP học trước
				LT	TL	TH	Tự học	
	Bắt buộc		33					
17	25KT70453	Kinh tế học	3	36	18	0	96	
18	25KT70123	Quản trị học	3	36	18	0	96	
19	25KT71043	Nguyên lý kế toán	3	24	12	30	84	
20	25KT70703	Marketing căn bản	3	36	18	0	96	
21	25KT70693	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	36	18	0	96	
22	25KT70723	Hành vi người tiêu dùng	3	24	12	30	84	
23	25KT70773	Nghiên cứu Marketing	3	36	18	0	96	
24	25KT70892	Quan hệ công chúng	2	24	12	0	64	
25	25KT70713	Pháp luật về Marketing và truyền thông	3	36	18	0	96	
26	25KT70483	Kinh doanh Quốc tế	3	36	18	0	96	
27	25TT72702	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	12	6	30	52	
28	25KT71012	Tài chính – Tiền tệ	2	24	12	0	64	
	Tự chọn (chọn tối thiểu 2TC)		2					
29	25KT70092	Kinh tế phát triển	2	24	12	0	64	
30	25KT70082	Tâm lý học đại cương	2	24	12	0	64	
31	25KT70542	Bao bì và thương hiệu hàng hoá	2	24	12	0	64	
2.2	Kiến thức chuyên ngành		46					
	Bắt buộc		42					
32	25KT70813	Quản trị Marketing	3	36	18	0	96	
33	25NN70773	Tiếng Anh thương mại	3	24	12	30	84	25NN70012
34	25KT70942	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	24	12	0	64	
35	25KT70803	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	24	12	30	84	
36	25KT70783	Quản trị kinh doanh	3	36	18	0	96	
37	25KT70733	Quản trị dự án Marketing	3	36	18	0	96	
38	25KT70283	Truyền thông marketing tích hợp	3	24	12	30	84	
39	25KT70273	Quản trị Logistics	3	24	12	30	84	
40	25KT70833	Marketing mạng xã hội	3	36	18	0	96	
41	25KT70823	Marketing quốc tế	3	36	18	0	96	
42	25KT70843	Chuyên đề thực tế Marketing	3	24	12	30	94	
43	25KT70793	Marketing số	3	24	12	30	84	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết/giờ				Mã HP học trước
				LT	TL	TH	Tự học	
44	25KT70743	Marketing dịch vụ	3	24	12	30	84	
45	25KT70252	Quản trị thương hiệu	2	24	12	0	64	
46	25TT70492	Công nghệ đa phương tiện	2	24	12	0	64	
	Tự chọn (chọn tối thiểu 4 TC)			4				
47	25KT70182	Thương mại điện tử	2	24	12	0	64	
48	25KT70872	Quản trị quan hệ khách hàng	2	24	12	0	64	
49	25KT70752	Tổ chức sự kiện	2	24	12	0	64	
50	25KT71082	Phân tích tài chính doanh nghiệp	2	24	12	0	64	
51	25KT70642	Đấu thầu quốc tế	2	24	12	0	64	
52	25KT70882	Quản trị quảng cáo	2	24	12	0	64	
53	25KT70662	Kinh doanh dịch vụ quốc tế	2	24	12	0	64	
2.3	Thực tập tốt nghiệp			8				
54	25KT70318	Thực tập tốt nghiệp	8				360	
2.4	Khoá luận hoặc tương đương		8				480	
55	25KT70328	Khoá luận tốt nghiệp	8	0	0	360	360	
56	25KT70903	Kiến thức cơ sở ngành	3	36	18	0	96	
57	25KT70912	Kiến thức chuyên môn 1	2	24	12	0	64	
58	25KT70923	Kiến thức chuyên môn 2	3	36	18	0	96	
Tổng (không bao gồm GDTC và GD QP-AN)			122					

THƯỜNG